

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HS - ST

Ngày: 07 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Long

2. Ông Nguyễn Văn Xuôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXXST – HS, ngày 23 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy K, sinh năm 1997, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997;

Tiền án: Không; Tiền sự: 03:

- Ngày 11/4/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh V áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, đến ngày 15/01/2020 được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại là 01 tháng 11 ngày kể từ ngày 15/01/2020.

- Ngày 05/6/2020 bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an xã M xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng.

- Ngày 12/10/2020 bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an xã M xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng.

Nhân thân: Ngày 17/12/2020 bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 11/01/2021 Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975

Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1972

- Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1997

Đồng nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Lương Thanh P, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Anh Phạm Anh N, sinh năm 1983

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Lê Quốc V, sinh năm 1990

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1998

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị hại và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy K là người nghiện ma túy. Vào khoảng 17 giờ ngày 17/12/2020, K ở nhà tại ấp A, xã My, huyện C, tỉnh Trà Vinh, lúc này chỉ có K và mẹ ruột là bà Phạm Thị S, K nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 84L1 -286.84 của ông Nguyễn Văn M (ông M là cha ruột của K) đang dựng ở nhà sau, xe thuộc quyền sử hữu của ông M mua vào tháng 7/2015 với giá 47.000.000 đồng, do không có tiền mua ma túy nên K nảy sinh ý thức trộm cắp xe mô tô nói trên mang đi cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến 20 giờ cùng ngày, K nhìn thấy bà S đang may quần áo ở trước nhà, trong nhà không còn ai nên K đi đến vị trí xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 đang dựng sau nhà, thấy xe không có khóa cổ nên K lén lút dẫn xe mô tô nói trên vòng ra bên hông nhà rồi dẫn ra đường huyện 31, đi về hướng xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, khi đi được khoảng hơn 100 mét do xe không có gắn sẵn chìa khóa nên K dùng tay bứt dây nguồn điện của xe rồi khởi động xe và chạy về hướng xã A rồi chạy vòng ra thị trấn C đến nhà của Lương Thanh P rồi cầm xe cho P với số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, K đi bộ một mình đến nhà của Lê Quốc V, khi đến nơi K rủ V đi mua ma túy về sử dụng. V điều khiển xe mô tô của mình chở K đến thành phố V mua 500.000 đồng ma túy (loại heroine) từ một người lạ mặt, rồi tiếp tục chở K đến nhà của

Bùi Văn T. Sau đó K, cùng với Nguyễn Vũ L (cũng đang có mặt tại nhà của T) cùng sử dụng ma túy, và ngủ lại tại đây, riêng V và T không có sử dụng ma túy.

Đến khoảng 16 giờ ngày 18/12/2020, K hỏi V tìm người để bán xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 mà K vừa cầm trước đó thì V đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe đến gặp Phạm Anh N để hỏi bán xe giùm cho K. Đến 20 giờ, V gọi điện cho K nói nếu bán xe thì chỉ bán được với giá 10.000.000 đồng và kêu K ra đầu lộ P để gặp V và N. Sau đó, L chở K đến chỗ hẹn và gặp V cùng N, tại đây N thống nhất mua xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 với giá 10.000.000 đồng, N đưa cho K 3.500.000 đồng để K đi chuộc xe. Sau đó, L chở K, V chở N đến nhà của Lương Thanh P để K chuộc xe, khi còn cách nhà P vài trăm mét thì K đi bộ một mình đến nhà Phong và chuộc xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 với số tiền 3.500.000 đồng, sau đó K mang xe đến cho L và điều khiển xe mô tô của L về nhà Bùi Văn T còn L điều khiển xe mô tô của K đến giao cho. Sau khi nhận xe, N đưa thêm số tiền 6.500.000 đồng còn lại cho V. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, V mang 6.500.000 đồng về đưa cho K, K cho V 1.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết.

Xe mô tô nói trên là tài sản riêng của ông M, tiền mua xe là do ông M tích góp mà có, K không có hùng tiền mua xe với ông M, ông M là người trực tiếp quản lý xe, vào ngày K lấy xe đi bán thì ông M không có giao xe cho K sử dụng. Sau khi phát hiện sự việc ông Nguyễn Văn M đã đến cơ quan công an trình báo sự việc và có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với K.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Duy K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm việc với Phạm Anh N và thu hồi xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 của ông Nguyễn Văn M.

Tại bản kết giá số 01/KL - ĐGTS ngày 24/12/2020 của Hội đồng giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết Luận: một xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh bạc, số máy G3D4EO76587, số khung 061FY067484 có giá tại thời điểm tài sản bị xâm hại ngày 17/12/2020 là 22.000.000 đồng.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã thu giữ: Một xe mô tô BKS 84L1-286.84 nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh bạc, số máy G3D4EO76587, số khung 061FY067484. Ngày 15/2/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng số 43/QĐ-ĐCSHS - KTMT trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn M xe mô tô BKS 84L1-286.84 có đặc điểm như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT -VKS-HS ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy K thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đồng ý hoàn trả lại cho Phạm Anh N số tiền 10.000.000 đồng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Đối anh Phạm Anh N có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền mua xe là 10.000.000 đồng, bị cáo K cũng thống nhất hoàn trả lại cho anh N số tiền này. Do đó, buộc bị cáo hoàn trả lại cho anh Phạm Anh N số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra vị còn đề nghị nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông tại thành phố V đã bán ma túy (loại Heroine) cho Khanh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa làm việc được, nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Lương Thanh P, Lê Quốc V, Phạm Anh N, Nguyễn Vũ L và Bùi Văn T, các đương sự này không biết xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 là do Nguyễn Duy K phạm tội mà có, do đó hành vi của những người này không có cơ sở để xử lý.

Quan điểm của Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Duy K nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai trái và vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại khác về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, có căn cứ xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị hại ông Nguyễn Văn M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S, các anh Nguyễn Duy L, Lương Thanh P, Lê Quốc V, Phạm Anh N, Nguyễn Vũ L và

Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ lời khai, yêu cầu của những người này. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Mg, bà S, các anh L, P, V, N, L và T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Duy K khai nhận do cần tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài nên khoảng 17 giờ, ngày 17/12/2020 tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh lợi dụng ông Nguyễn Văn M không có ở nhà bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh bạc, số máy G3D4E076587, số khung 0610FY067484 trị giá 22.000.000 đồng của ông M. Lời khai của bị cáo Nguyễn Duy K tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, tài sản bị mất và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Duy K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Nguyễn Duy K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, đáng lẽ ra phải tự lao động tạo ra nguồn thu nhập nuôi sống bản thân và lo cho gia đình nhưng không làm được điều đó bị cáo thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy, vì muốn nhanh chóng có tiền để phục vụ lợi ích cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn trật tự địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 11/4/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, đến ngày 15/01/2020 được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại là 01 tháng 11 ngày kể từ ngày 15/01/2020. Ngày 05/6/2020 và ngày 12/10/2020 bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an xã M ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi lần số tiền là 750.000 đồng đến nay vẫn chưa nộp phạt. Đến ngày 17/12/2020 bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 11/01/2021 Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Đây là những căn cứ áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường, Tòa không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Anh N yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền mua xe là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất hoàn trả lại cho anh N 10.000.000 đồng. Tòa ghi nhận và buộc bị cáo hoàn trả lại cho anh N số tiền 10.000.000 đồng.

[7]. Ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo không thuộc diện được miễn tiền án phí nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. *Các vấn đề khác:*

Đối với người đàn ông tại thành phố V đã bán ma túy (loại Heroine) cho K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa làm việc được, nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Lương Thanh P, Lê Quốc V, Phạm Anh N, Nguyễn Vũ L và Bùi Văn T, các đương sự này không biết xe mô tô biển kiểm soát 84L1-286.84 là do Nguyễn Duy K phạm tội mà có, do đó hành vi của những người này không có cơ sở để xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2021.

2. *Về trách nhiệm dân sự:*

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 579 và Điều 580 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Duy K hoàn trả lại cho anh Phạm Anh N số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Duy K nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 32 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo Nguyễn Duy K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Trang**

Đã ký